TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN B **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH C

Bản án số: 62/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16/10/2024.
Về việc: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Linh**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lê Thị Sáu.**
2. Ông **Phạm Đức Minh**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh C tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Thanh Lĩnh**-Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 16/10/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh C xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 160/TLST-HNGĐ ngày 21/6/2024 về việc *"Ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/9/2024, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 77 ngày 13/9/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐHNGĐ-ST ngày 30/9/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Hoàng A, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn 1, xã Tân Lạc, huyện B, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Võ Đông D, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn 1, xã Tân Lạc, huyện B, tỉnh C.

(Chị A có đơn xin vắng mặt, ông Nam A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/01/2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị A và ông Nam A tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 13/4/2018 tại UBND xã Tân Lạc, huyện B, tỉnh C. Hôn nhân tự nguyện được gia đình hai bên đồng ý và tổ chức lễ cưới theo phong tục đạo Công giáo. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Nam A ngoại tình, chơi cờ bạc gây ra nhiều nợ nần, không lo làm ăn; vợ chồng đã ly thân, không ai quan tâm đến ai. Do đó, chị A yêu cầu được ly hôn với ông Nam A.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Thị Hồng Y, sinh ngày 13/8/2018. Trong thời gian ly thân, chị A là người trực tiếp nuôi con, cháu phát triển khỏe mạnh. Khi ly hôn chị A có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu ông Nam A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án ông Nam A không đến Tòa án làm việc, không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị A.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị A và ông Nam A được ly hôn với nhau, buộc chị A phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Chị A có đơn đề nghị vắng mặt, ông Nam A vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên áp dụng khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

2. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và ông D có tìm hiểu yêu nhau và kết hôn tại UBND xã Tân Lạc, huyện B, tỉnh C vào ngày 13/4/2018; hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc gì nên quan hệ hôn nhân của chị A và ông D là hợp pháp.

Tòa án triệu tập ông Nam A nhiều lần nhưng ông Nam A không đến làm việc, không có bất kỳ trình bày nào về yêu cầu khởi kiện của chị A. Điều này cho thấy ông Nam A bỏ mặc hôn nhân của mình, không muốn sống chung với chị A nữa. Qua xác minh tại địa phương thể hiện vợ chồng chị A và ông D đã ly thân. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân của chị A và ông Nam A đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 cần chấp xử cho chị A và ông Nam A được ly hôn với nhau.

[2.2] Về con chung: Việc giao con cho ai cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con. Để không làm xáo trộn môi trường sống và phát triển của các con nên giao con cho chị A nuôi dưỡng; chị A không yêu cầu ông Nam A cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, về nợ chung: Không có.

[2.4] Về án phí: Chị A phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Hoàng A về việc "*Ly hôn*" với bị đơn ông Võ Đông D, xử cho chị A và ông Nam A được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Thị Hồng Nhi, sinh ngày 13/8/2018 cho chị Võ Thị Hoàng A nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị A không yêu cầu ông Nam A cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết.

"Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn cũng như việc thăm nom, chăm sóc con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình."

2. Về án phí: Buộc Chị A phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 7066 ngày 21/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh C. (Chị A đã nộp xong).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án tỉnh C xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh C [(2)]
- VKS huyện B;
- VKSND tỉnh C;
- Các Đương sự;
- CC.THADS huyện B;
- UBND xã Tân Lạc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN
TÒA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Văn Linh

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sáu **Phạm Đức Minh** **Nguyễn Văn Linh**